

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Hưng và bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Bản 2 V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thanh N, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Bản 2 V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/10/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Minh T trình bày:

Anh và chị Phạm Thanh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2007 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do chị N chơi bời nợ nần bị người khác đòi nợ sau đó bỏ trốn, khi anh gọi thì chị N nói đã có người đàn ông khác không còn tình cảm với anh. Anh và gia đình đã khuyên bảo nhưng chị N không nghe, từ tháng 02/2022 đến nay anh về bên nội sinh sống và từ đó hai vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến nhau. Nay anh không còn tình cảm với chị N nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị N. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu

Phan Ngọc Bảo L sinh ngày 19/9/2007 và cháu Phan Gia H sinh ngày 02/9/2015. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh trực tiếp nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra anh chị không có tài sản chung nên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phạm Thanh N, Toà án xác minh chị N vắng mặt tại địa phương không rõ thời điểm trở về nên Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày 15/11/2022 chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn chị đã trình bày như sau: Chị thừa nhận cuộc sống chung của chị với anh T có nhiều mâu thuẫn xảy ra do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên đi nhậu say về có hành vi bạo lực gia đình. Chị đã đề nghị ly hôn nhiều lần nhưng anh không đồng ý và dọa đánh dọa giết chị. Chị không chịu được áp lực nên đã bỏ đi làm ăn xa và ly thân anh T từ ngày 15/02/2022. Đến nay anh T xin ly hôn thì chị nhất trí ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh. Về con chung, chị nhất trí để anh T trực tiếp nuôi hai cháu Phan Ngọc Bảo L và Phan Gia H, chị yêu cầu được đi lại thăm nom con chung. Đối với tài sản, công nợ thì chị N cũng không đề nghị Toà án giải quyết. Ngoài ra chị N đề nghị Toà án không hoà giải.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến hai cháu Phan Ngọc Bảo L và Phan Gia H, hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố. Toà án đã thông báo hoà giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho anh Phan Minh T ly hôn chị Phạm Thanh N. Về con chung, xử giao cháu Phan Ngọc Bảo L và Phan Gia H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí, anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Phan Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với chị Phạm Thanh N. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh T và chị N có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2007 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại lời khai của anh T và chị N, mặc dù anh chị trình bày không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh chị đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2022, đến nay anh chị đều không còn tình cảm với nhau. Anh T có cung cấp được chứng cứ là xác nhận của chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị đã không còn thương yêu nhau và không còn chung sống với nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Đến nay anh T xin ly hôn thì chị N cũng nhất trí ly hôn, tuy nhiên do chị N không có mặt tại phiên toà nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T ly hôn chị N.

[3]. Về con chung: Anh T và chị N có hai con chung là cháu Phan Ngọc Bảo L sinh ngày 19/9/2007 và cháu Phan Gia H sinh ngày 02/9/2015, các cháu phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị N nhất trí với ý kiến của anh T. Theo xác nhận của địa phương về công việc và thu nhập của anh T thì anh có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng các con chung. Quá trình hỏi ý kiến cháu L và cháu H cũng có nguyện vọng ở với bố. Xét thấy để đảm bảo cho các cháu được chăm sóc tốt nhất, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T không đề nghị gì nên chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 228 của** Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho anh Phan Minh T ly hôn chị Phạm Thanh N.

2/ Về con chung, xử giao cháu Phan Ngọc Bảo L sinh ngày 19/9/2007 và cháu Phan Gia H sinh ngày 02/9/2015 cho anh Phan Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thanh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Phan Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số **0003600 ngày 11/10/2022, anh đã nộp đủ án phí.**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã Minh Tân;
- Đường sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh